Mẫu số 03/QĐ-CKNS

UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG UÔNG BÍ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2836/QĐ-UBND	*Uông Bí, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường 09 tháng đầu năm 2026

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 133/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh: số 88/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; số 320/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường Uông Bí: số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 về phương án giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2026; số 25/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân phường: số 1818/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2026; số 910/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề xuất của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 98/TTr-KT ngày 09 tháng 10 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường 09 tháng đầu năm 2026 (*theo các biểu kèm theo Quyết định*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Phòng Giao dịch số 15- Kho bạc nhà nước khu vực III và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- Thường trực UBND phường;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc phường;
- Như điều 3;
- Lưu.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quang Đông

UBND PHƯỜNG UÔNG BÍ **Mẫu biểu số 01**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện quý III so với Dự toán (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**2.421.177**	**577.424**	**2.066.426**	**85,3**	**323,2**
I	Thu nội địa	2.421.177	577.424	2.066.426	85,3	**323,2**
II	Thu từ dầu thô			-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			-		
IV	Thu viện trợ			-		
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**639.970**	**147.007**	**922.865**	**144,2**	**490,4**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**447.611**	**92.318**	**417.174**	**93,2**	**1.578,4**
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	61.408	12.878	40.573	66,1	546,4
2	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	386.203	79.440	376.601	97,5	1.981,6
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**137.994**	**42.446**	**349.863**	**253,5**	**324,3**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	20.875	20.875	48.058	230,2	88,3
2	Thu bổ sung có mục tiêu	117.119	21.571	301.805	257,7	564,4
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**					
IV	**Thu kết dư**		**12.243**	**12.243**		**314,0**
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**143.585**		**287,4**
VI	**Cân đối chi từ nguồn cải cách tiền lương**	**54.365**	-	-		
VII	**Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng**					
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**639.970**	**156.002**	**491.838**	**76,9**	**415,6**
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**522.851**	**156.002**	**491.838**	**94,1**	**415,6**
1	Chi đầu tư phát triển	102.190	35.116	191.803	187,7	9.509,3
2	Chi thường xuyên	410.621	120.886	300.035	73,1	257,9
3	Chi cho vay			-		
4	Chi viện trợ			-		
5	Chi trả nợ lãi			-		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	10.040	-			
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NST cho NSĐP**	**117.119**			**0,0**	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**					

UBND PHƯỜNG UÔNG BÍ

Mẫu biểu số 02

THỰC HIỆN THU NSNN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện Quý III so với dự toán (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**2.421.177**	**596.533**	**2.066.426**	**85,3%**	**323,2%**
I	**Thu nội địa**	**2.421.177**	**596.533**	**2.066.426**	**85,3%**	**323,2%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước TƯ	1.763.740	477.547	1.422.068	80,6%	514,3%
2	Thu từ Doanh nghiệp địa phương	4.230	49	5.523	130,6%	4761,2%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	14.240	31	396	2,8%	322,0%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	261.860	36.096	132.891	50,7%	151,2%
5	Thuế thu nhập cá nhân	123.110	13.225	89.729	72,9%	94,1%
6	Thuế bảo vệ môi trường	300	86	243	81,0%	357,4%
7	Các loại phí, lệ phí	132.717	49.384	152.824	115,2%	536,9%
	Trong đó: Lệ phí trước bạ	51.640	11.142	35.054	67,9%	246,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	108.390	15.724	178.718	164,9%	119,7%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.790	963	2.068	74,1%	148,5%
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60.600	891	16.150	26,7%	3154,3%
-	Thu tiền sử dụng đất	45.000	13.870	160.500	356,7%	108,9%
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN		0	0		
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển	0	0	0		
10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công	0	0	0		
11	Thu từ hoạt động xổ số	0	0	0		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	0	82	76.647		294796,2%
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	0	0	0		
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế		0	0		
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước		0	0		
14	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		0	0		
15	Thu khác ngân sách	12.590	4.305	7.385	58,7%	492,3%
II	**Thu từ dầu thô**		0	0		
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**		0	0		

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện Quý III so với dự toán (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu		0	0		
2	Thuế xuất khẩu		0	0		
3	Thuế nhập khẩu		0	0		
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu		0	0		
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		0	0		
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu		0	0		
7	Thuế khác		0	0		
IV	**Thu viện trợ**		0	0		
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**	**0**	0	0	**0**	
1	Thuế GTGT		0	0		
2	Thuế TTĐB		0	0		
3	Hoàn các khoản thu khác		0	0		
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**447.611**	**92.318**	**417.174**	**93,2%**	**1578,4%**
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NST và NSĐP	386.203	79.440	376.601	97,5%	1981,6%
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	61.408	12.878	40.573	66,1%	546,4%

UBND PHƯỜNG UÔNG BÍ

Mẫu biểu số 03

THỰC HIỆN CHI NSNN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện Quý III so với dự toán (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**639.970**	**156.002**	**491.838**	**76,9%**	**415,6%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**522.851**	**156.002**	**491.838**	**94,1%**	**415,6%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**102.190**	**35.116**	**191.803**	**187,7%**	**9509,3%**
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	102.190	35.116	191.803	187,7%	9509,3%
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**410.621**	**120.886**	**300.035**	**73,1%**	**257,9%**
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	*175.891*	*50.791*	*127.978*	*72,8%*	*433,5%*
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	*2.594*	*422*	*1.287*	*49,6%*	
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**10.040**	**0**	**0**		
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NST CHO NSĐP**	**117.119**	**0**	**0**	**0,0%**	**0,0%**
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	84.639			0,0%	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	32.480				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
C	**CHI TỪ NGUỒN THU ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG**	**0**	**0**	**0**	**0,0%**	**0,0%**
1	Chi từ nguồn thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng					

UBND PHƯỜNG UÔNG BÍ **Mẫu biểu số 04**

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NST bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số	**13.794,740**	**1.004,517**	**12.790,223**			
1	Chi đầu tư phát triển						
2	Chi thường xuyên	13.794,740	1.004,517	12.790,223			

UBND PHƯỜNG UÔNG BÍ

Mẫu biểu số 05

KẾT QUẢ PHÂN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính			
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	**Quý III năm 2026 chưa phát sinh**		
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thưởng vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			